

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực Chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực Chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 284/TTr-SNNMT ngày 05 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực Chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ các thủ tục hành chính số thứ tự 7, 11 Phụ lục danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang và số thứ tự 1, 3 Phụ lục danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết và quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang kèm theo Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

2. Bãi bỏ các thủ tục hành chính số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 23, 24, 25 Phụ lục kèm theo Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này cung cấp, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG
(Kèm theo Quyết định số 866 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ LĨNH VỰC THÚ Y

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	1.004756	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y	05 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	+ 50.000 đồng/lần (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y). + 25.000 đồng/lần (áp dụng từ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân).	Điều 30 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ
2	2.001064	Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y	03 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ	+ 50.000 đồng/CCHN (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y). + 25.000 đồng/CCHN (áp dụng từ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày	Điều 30 Nghị định 32/2026/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	31/12/2026 theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân).	
3	1.004734 1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y	03 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	+ 50.000 đồng/CCHN (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y). + 25.000 đồng/CCHN (áp dụng từ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân).	Điều 30 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
4	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	08 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần.	Điều 22 Nghị định 32/2026/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	- Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	
		Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	08 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	Điều 22 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
5	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	05 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Không	Điều 22 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
6	1.013809	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản	08 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần.	Điều 22 Nghị định 32/2026/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)		- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	- Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	
7	1.013813	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	08 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	Điều 22 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
8	1.013811	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	05 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Không	Điều 22 Nghị định 32/2026/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	08 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần.	Điều 26 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
		Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	08 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần.	Điều 26 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
10	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	05 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Không	Điều 26 Nghị định 32/2026/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
11	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/lần	Điều 24 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
		Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/lần	Điều 24 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
12	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	05 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Không	Điều 24 Nghị định 32/2026/NĐ-CP

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	- 20 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp. - 21 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Không	Điều 13 Nghị định 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ
2	1.011032	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	- 03 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp. - 04 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Không	Điều 13 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
3	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	20 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ	- Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn:	Điều 10 Nghị định 32/2026/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần (Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi)	
4	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	- 03 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp. - 06 ngày làm việc đối với Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	- Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần (Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi)	Điều 10 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
5	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa	- Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung:	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế):	Điều 4 Nghị định 32/2026/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	+ 18 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp. + 21 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng. - Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: + 10 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp. + 13 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.	- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. (Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi)	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	- 03 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp. - 06 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	- Thẩm định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 250.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. (Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi)	Điều 4 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
7	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- 10 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp. - 11 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	350.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần. (Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi)	Điều 6 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
8	1.008124	Kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục	Không	Điều 7 Nghị định 32/2026/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)		
9	1.008125	Giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Không	Điều 7 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
10	3.000127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	16 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Không	Điều 3 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
11	3.000128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	16 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục	Không	Điều 3 Nghị định 32/2026/NĐ-CP

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)		
12	3.000129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	6 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Không	Điều 3 Nghị định 32/2026/NĐ-CP
13	3.00013	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	11 ngày làm việc	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Không	Điều 3 Nghị định 32/2026/NĐ-CP